UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

Tên chương trình: **Đào tạo giáo viên Trung học cơ sở**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Ngành đào tạo: **Sư phạm Toán học**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

(Ban hành theo Quyết định số 197/QĐ-CĐSP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Hiệu trưởng trường CĐSP Quảng Trị)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo giáo viên THCS trình độ cao đẳng sư phạm dạy môn Toán học.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học trình độ cao đẳng phải:

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường định hướng XHCN: thấm nhuần thế giới quan Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức tác phong người thầy giáo.

- Có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ đáp ứng được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn Toán ở trường THCS, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục THCS về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, trung thực; tích cực, chủ động trong quá trình tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ.

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học trình độ cao đẳng còn có thể làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ khối lượng tri thức và kỹ năng nghiệp vụ để đảm nhận các công việc sau:

- Trực tiếp giảng dạy ở các trường THCS môn Toán.
- Tham gia nghiên cứu khoa học giáo dục ở các cơ sở giáo dục.
- Tiếp tục học tập ở chương trình đào tạo bậc học cao hơn.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Hệ chính quy tập trung đào tạo 3 năm gồm 6 học kỳ (thời gian chuẩn)

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 102 tín chỉ.

Trong quá trình đào tạo, có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm tải khối lượng kiến thức lý thuyết và thực hành cho phù hợp với đối tượng.

IV. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, xét, thi tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Khung thời gian đào tạo: Hệ chính quy tập trung đào tạo 3 năm gồm 6 học kỳ với tổng số đơn vị học trình của các môn học là: **102 Tín chỉ**.

5.1. Nội dung và phân phối chương trình

a/ Khối kiến thức giáo dục đại cương: 29 tín chỉ

1. Giáo dục đại cương chung cho khối ngành Sư phạm: 25 tín chỉ
2. Giáo dục đại cương riêng cho khối ngành Sư phạm: 4 tín chỉ

b/ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 73 tín chỉ

1. Kiến thức nghiệp vụ: 12 tín chỉ
2. Kiến thức chuyên môn (một môn): 50 tín chỉ
3. Thực tập sư phạm 6 tín chỉ
4. Khóa luận tốt nghiệp 5 tín chỉ

5.2. Thực hành sư phạm

Thực hành, Thực tập sư phạm được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho sinh viên Cao đẳng sư phạm.

5.3. Tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

VI. THANG ĐIỂM:

Thang điểm dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên là thang điểm 10. Việc xếp loại kết quả học tập từng học kỳ được chia thành 5 mức theo thang điểm, quy định như sau:

STT	Xếp loại	Giá trị điểm
1	Giỏi	Từ 8,5 đến 10
2	Khá	Từ 7,0 đến 8,4
3	Trung bình	Từ 5,5 đến 6,9
4	Trung bình yếu	Từ 4,0 đến 5,4
5	Kém	Dưới 4,0

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1- Khối kiến thức giáo dục đại cương chung: 25 tín chỉ.

TT	*Mã học phần*	*Tên học phần*	*Số tín chỉ*	*Số giờ tín chỉ*					*HP tiên quyết (Ghi theo số TT)*
				Lên lớp			*Thực hành,TN*	*Tự học, tự NC*	
				Lý thuyết	*Bài tập*	*Thảo luận*			
1	2.05.01.001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (HP 1)	**2**	24	1	5		4	
2	2.05.01.002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (HP 2.3)	**3**	36	3	6		6	1
3	2.05.01.003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**2**	24	2	4		4	2
4	2.05.01.004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	**3**	36	3	6		6	3
5	2.08.01.001	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh cơ sở 1)	**2**	24		5		5	
6	2.08.01.002	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh cơ sở 2)	**2**	24		5		5	5
7	2.08.01.003	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)	**2**	24		5		5	6
8	2.06.01.001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	**2**	20	2	8		4	
9	2.06.01.002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	**2**	20	2	8		4	8
10	2.06.01.003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	**1**	8	1			8	9
11	2.06.02.001	Giáo dục thể chất 1	**1**	4	1		11	1	
12	2.06.02.002	Giáo dục thể chất 2	**1**	10	1	4		2	11
13	2.09.01.001	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	**1**	10	1	4		2	
14	2.10.01.001	Nhà nước và pháp luật đại cương	**1**	12	1	2		2	

2- Khối kiến thức đại cương riêng ngành: 4 tín chỉ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
15	2.01.01.004	NM Toán cao cấp	**2**	27		3,5		3,5	
16	2.02.01.001	Tiếng Việt thực hành	**1**	4		12		1	
17	2.01.01.005	Lôgic	**1**	13		2		2	

3- Khối kiến thức nghiệp vụ chung: 12 tín chỉ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
18	2.07.02.001	Tâm lý học đại cương	**2**	24		5		5	
19	2.07.02.002	TLH lứa tuổi – TLH sư phạm và RLNVSP	**3**	36		3	8	4	18
20	2.07.02.003	Giáo dục học đại cương	**2**	24		5		5	19
21	2.07.02.004	Hoạt động DH - GD ở trường THCS và RLNVSP	**4**	48		6	8	6	20
22	2.07.02.005	Công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	**1**	5		1	10	1	

4 - Khối kiến thức chuyên môn ngành SP Toán học (đơn ngành): 50 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
23	2.01.01.006	Phép tính vi phân và tích phân của hàm một biến số	**4**	54		9		5	15
24	2.01.01.007	Phép tính vi phân và tích phân của hàm nhiều biến số	**3**	41		6,5		3,5	23
25	2.01.01.008	Phương trình vi phân	**2**	27		4,5		2,5	24
26	2.01.01.009	Hình học giải tích	**2**	21		6,5		6,5	15
27	2.01.01.010	Đại số tuyến tính	**3**	41		5		5	26

28	2.01.01.011	Đại số đại cương A	**4**	48		6		14	27;30
29	2.01.01.012	Hình học cao cấp	**3**	41		6,5		3,5	28
30	2.01.01.013	Lý thuyết số	**2**	27		1,5		5,5	15
31	2.01.01.014	Cơ sở số học	**2**	24		6,5		3,5	23;28
32	2.01.01.015	Đại số sơ cấp và TH giải toán	**4**	48		6		14	31
33	2.01.01.016	Hình học sơ cấp và TH giải toán	**3**	34		5		12	15
34	2.01.01.003	Xác suất và thống kê toán học	**2**	27		3,5		3,5	24;28
35	2.01.01.017	Qui hoạch tuyến tính	**1**	12		1,5		3,5	27
36	2.01.01.018	Nhập môn Topo	**1**	13		2		2	24
37	2.03.01.502	Nhập môn Tin học	**3**	22		2	22	3	
38	2.01.01.019	Sử dụng các phần mềm toán học	**2**	13			17	4	37
39	2.01.01.021	Ứng dụng các phép biến hình trong giải toán HH phẳng	**1**	12		1,5		3,5	29
40	2.01.01.022	Phương trình nghiệm nguyên	**1**	12		1,5		3,5	31
41	2.01.01.023	Phương pháp DH đại cương môn Toán	**3**	34		3,5	10	3,5	15
42	2.01.01.024	Phương pháp DH nội dung môn Toán	**2**	17		3,5	10	3,5	41
43	2.01.01.020	Đổi mới PPDH môn Toán ở trường THCS	**2**	17		7	8,5	1,5	42

5- Thực tập sư phạm và Khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ.

TT	***Mã học phần***	***Tên học phần***	***Số tín chỉ***	***Số giờ tín chỉ***					***HP tiên quyết (Ghi theo số TT)***
				Lên lớp			***Thực hành,TN***	***Tự học, tự NC***	
				Lý thuyết	***Bài tập***	***Thảo luận***			
44	2.07.02.006	Thực tập Sư phạm 1	**2**						21
45	2.07.02.007	Thực tập Sư phạm 2	**4**						44
46	2.07.01.002	Khoá luận tốt nghiệp	**5**						
	MÔN HỌC THAY THẾ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP								
47	2.03.01.015	Ứng dụng số phức trong giải toán hình học.	**2**	25		3,5		5,5	29
48	2.03.01.016	Lý thuyết Graph	**1**	12		1,5		3,5	35
49	2.03.01.017	Dạy học sinh THCS tự lực tiếp cận kiến thức Toán học	**2**	10		7	10	7	42

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký và đóng dấu)
TS. Lê Thị Xuân Liên